TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 11 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

-*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Hà.
-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Dũng Tấn và ông La THị Sinh.
-*Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Quy, Thư ký Toà án Thiệu Hóa.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018 mở phiên tòa tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hoá xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số149/HNGĐ/TLST ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST/HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018 ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn Đ, Sinh năm 1953.

Tên thường gọi: Nguyễn Tuấn Đ.

Trú tại: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 06 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai tại Toà án nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn Đ trình bầy:

Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, tổ chức cưới ngày 28/7/1978 theo phong tục địa phương. Không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được gần 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp,bản thân ông có nhiều khuyết nhược đối với bà H vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi lộn nhau sống thiếu hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông,bà đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung với nhau là Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Đều đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tố tụng đảm bảo quyền của bà Hằng theo luật định, trình tự tiến hành hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà H không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy không ghi nhận được quan điểm của bà H.

Do điều kiện không thể tham gia tố tụng tại phiên Tòa được ông Đ có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt Ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, xét yêu cầu của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ông, Bà Nguyễn Thị H đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu bà có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa để thực hiện các bước tố tụng theo quy định của pháp luật, đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 228, 238 bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, tổ chức cưới ngày 28/7/1978 theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa ông Đ và bà H được xác lập trước ngày 03/01/1987 ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 và Nghị Quyết số 35QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình, thì hôn nhân giữa ông Đ và bà H được coi là hôn nhân thực tế và được áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình Việt nam năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ thì thấy:

Do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi lộn nhau sống thiếu hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng ông Đ, bà H đã sống ly thân nhau nên buộc ông Nguyễn Tuấn Đ phải làm đơn xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập cả Ông, Bà đến Tòa án để khuyên nhủ vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà Nguyễn Thị H cố tình chống đối không đến Tòa để giải quyết vụ án bỏ mặc cho ông Nguyễn Tuấn Đ muốn làm gì thì làm, chứng tỏ bà Nguyễn Thị H không có trách nhiệm với tổ ấm gia đình mà Ông, Bà đã tạo dựng, hiện tại Ông, Bà đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không còn, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Ông, Bà đã rạn nứt không còn hạnh phúc, chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được có kéo dài cuộc hôn nhân giữa Ông, Bà cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi.Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tuấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, trong bản tự khai cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt ông

Nguyễn Tuấn Đ tỏ rỏ quan điểm xin được ly hôn bà H, vì vậy áp dụng điều 51, điều 56 luật hôn nhân gia đình giải quyết cho ông Nguyễn Tuấn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3]Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung với nhau là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Các cháu đã trưởng thành ông Đ không đề nghị Tòa giải quyết, Miễn xét.

[4] Về tài sản: Ông Đông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn Đ thuộc diện người cao tuổi nên không phải nộp án phí.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51,56 luật hôn nhân gia đìnhViệt Nam năm 2014; Nghị Quyết số 35 QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội; khoản 3 điều 228, điều 238, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 / 12 / 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tuấn Đ. Xử cho ông Nguyễn Tuấn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn Đ không phải nộp án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.Tuyên bố cho hai bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát.*
- *Các đương sự.*
- *THA(thi hành án)*
- *UBND xã Thiệu Chính.*
- *Giảm đốc án.*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Hà

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 11 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

-*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Hà.

-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Dũng Tấn và ông La THị Sinh.

-*Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Quy, Thư ký Toà án Thiệu Hóa.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018 mở phiên tòa tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hoá xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số149/HNGĐ/TLST ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST/HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018 ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn Đ, Sinh năm 1953.

Tên thường gọi: Nguyễn Tuấn Đ.

Trú tại: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 06 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai tại Toà án nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn Đ trình bầy:

Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, tổ chức cưới ngày 28/7/1978 theo phong tục địa phương. Không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được gần 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp,bản thân ông có nhiều khuyết nhược đối với bà H vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi lộn nhau sống thiếu hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông,bà đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung với nhau là Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Đều đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tố tụng đảm bảo quyền của bà Hằng theo luật định, trình tự tiến hành hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà H không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy không ghi nhận được quan điểm của bà H.

Do điều kiện không thể tham gia tố tụng tại phiên Tòa được ông Đ có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt Ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, xét yêu cầu của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt ông, Bà Nguyễn Thị H đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu bà có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa để thực hiện các bước tố tụng theo quy định của pháp luật, đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 228, 238 bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, tổ chức cưới ngày 28/7/1978 theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa ông Đ và bà H được xác lập trước ngày 03/01/1987 ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 và Nghị Quyết số 35QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình, thì hôn nhân giữa ông Đ và bà H được coi là hôn nhân thực tế và được áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình Việt nam năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ thì thấy:

Do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi lộn nhau sống thiếu hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng ông Đ, bà H đã sống ly thân nhau nên buộc ông Nguyễn Tuấn Đ phải làm đơn xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập cả Ông, Bà đến Tòa án để khuyên nhủ vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà Nguyễn Thị H cố tình chống đối không đến Tòa để giải quyết vụ án bỏ mặc cho ông Nguyễn Tuấn Đ muốn làm gì thì làm, chứng tỏ bà Nguyễn Thị H không có trách nhiệm với tổ ấm gia đình mà Ông, Bà đã tạo dựng, hiện tại Ông, Bà đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không còn, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Ông, Bà đã rạn nứt không còn hạnh phúc, chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được có kéo dài cuộc hôn nhân giữa Ông, Bà cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi.Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tuấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, trong bản tự khai cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn Đ tỏ rỏ quan điểm xin được ly hôn bà H, vì vậy áp dụng điều 51, điều 56 luật hôn nhân gia đình giải quyết cho ông Nguyễn Tuấn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3]Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung với nhau là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Các cháu đã trưởng thành ông Đ không đề nghị Tòa giải quyết, Miễn xét.

[4] Về tài sản: Ông Đông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn Đ thuộc diện người cao tuổi nên không phải nộp án phí.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51,56 luật hôn nhân gia đìnhViệt Nam năm 2014; Nghị Quyết số 35 QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội; khoản 3 điều 228, điều 238, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 / 12 / 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tuấn Đ.
Xử cho ông Nguyễn Tuấn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn Đ không phải nộp án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.Tuyên bố cho hai bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát.*
- *Các đương sự.*
- *THA(thi hành án)*
- *UBND xã Thiệu Chính.*
- *Giảm đốc án.*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Hà